TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do –Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/DSST
Ngày 31/3/2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan
- *Các Hội thẩm nhân dân ông:* Ông Dương Kim Vy và bà Phạm Thị Hồng
- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thể
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư jut tham gia phiên tòa:* Ông Lục Văn Đông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/3/2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2023. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/QĐST-DS ngày tháng 09 năm 3 năm 2023, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1968
Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông.
Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Ông Hồ Ngọc D
Địa chỉ: 08^{A} Ngô Quyền, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông (có mặt)
- *Bị đơn:*
1. Ông Trần Thanh T, sinh năm 1947
2. Bà Trần Thị N, sinh năm 1954
Cùng địa chỉ: Thôn 08, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông Hồ Ngọc D (đại diện theo ủy quyền nguyên đơn) trình bày: Vào ngày 08/10/2020 (âm lịch) bà T có cho ông T và bà N vay số tiền 206.000.000đ (Hai trăm linh sáu triệu đồng). Khi vay hai bên có viết giấy tờ tay với nhau, không ghi lãi suất. thời hạn trả nợ ngày 08/10/2021 ông T bà N sẽ trả cho bà T. Đến thời hạn trả nợ, bà T đòi nhiều lần nhưng ông T bà N không trả cho bà T nên bà T khởi kiện ra Tòa yêu cầu ông T bà N phải trả số tiền trên. Quá trình vay ông T bà N chỉ trả cho bà T được 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền gốc vào ngày 24/11/2021, từ đó đến nay không trả cho bà T nữa. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà T yêu cầu ông T bà N trả cho bà T tổng số tiền 248.056.976 đ (Hai trăm bốn mươi T triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn, chín trăm bảy sáu đồng). Trong đó: gốc là 206.000.000đ và lãi là 42.056.976 đồng. Ngày 06/02/2023

nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền gốc và rút số tiền lãi từ 1,66% xuống còn 0,83 % rút tiền lãi là:14.401.376 đồng(mười bốn triệu,bốn trăm linh một ba trăm bảy sáu đồng).Yêu cầu tòa án giải quyết số tiền gốc 196.000.000đ và lãi suất chậm thực hiện trả nợ 0,83%, tính từ ngày 09/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 31/3/2023 là 17 tháng. Cụ thể: 196.000.000đ x 0,83% x 17 tháng = 27.655.600 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 223.655.600 đồng (hai trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm đồng). Việc chữ ký của bà N trong giấy mượn tiền đối với số tiền 206.000.000 đồng là chữ ký bà N, còn việc bà N đem vào nhà cho ông T ký hay bà N ký thay ông T thì bà T không biết được, bà T cũng không yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký của ông T.

Chứng cứ mà bà N và ông T cung cấp cho Tòa án tỉnh Đắk Nông là chữ viết của bà T là đúng. Tuy nhiên, giấy viết số tiền 80.000.000đ là khoản vay khác không liên quan gì đến khoản vay số tiền 206.000.000đ lập ngày 08/10/2020 (âm lịch). Hiện nay bà T không yêu cầu khoản vay 80.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Thanh T trình bày: Vào năm 2018 ông T bà N có vay của bà Hoàng Thị T số tiền 80.000.000đ (T mươi triệu đồng) cho con trai đi nước ngoài, bà N ông T đã trả hết cho bà T mà chứng cứ gốc ông T bà N đã cung cấp cho Toàn án tỉnh Đắk Nông. Hiện nay ông T bà N không còn nợ bà T. Đối với bà T kiện ông T bà N số tiền theo giấy vay số tiền 206.000.000đ xác lập ngày 08/10/2020 (âm lịch) không phải chữ ký của ông T, ông T không vay, không biết, không trả việc bà N ký cho ông T như thế nào ông T không biết .Bà N thừa nhận chữ ký bà N viết thay cho ông T ông T không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký ông T.

Bị đơn bà Trần Thị N trình bày: Vào năm 2018 ông T và bà N đã vay bà T số tiền 80.000.000 đồng, ông T bà N đã trả xong cho bà T. Bà N cung cấp chứng cứ gốc trên Tòa án tỉnh Đắk Nông đối với số tiền trong giấy bà T kiện ông T bà N với số tiền 206.000.000 đồng xác lập ngày 08/10/2020(âm lịch) đây là số tiền lãi của số tiền ông T bà N vay 80.000.000đồng. Còn chữ ký trong giấy vay số tiền 206.000.000 đồng bà T kiện bà N và ông T là chữ ký của bà N ký và bà N ký thay cho ông T chứ không phải chữ ký ông T, việc bà N ký thay cho ông T, ông T không biết. Hiện nay bà T kiện bà N thì bà N không đồng ý vì bà N không vay số tiền 206.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jut phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình;

- Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc một mình bà N có nghĩa vụ trả nợ cho bà T số tiền gốc và lãi là 223.655.600 đồng (hai trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm đồng). Đình chỉ xét xử đối với số tiền mà nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện gốc là 10.000.000 đồng và lãi nguyên đơn đã rút.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, ý kiến phátbiểu của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

- Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 206.000.000 đồng gốc và lãi suất. Vì vậy, đây là tranh chấp dân sự, quan hệ pháp luật *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hiệu khởi kiện, căn cứ các hợp đồng hợp đồng được xác lập ngày 08/10/2020. Do vậy còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2]. Về nội dung:

Xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp giấy mượn tiền xáclập ngày 08/10/2020(âm lịch) bà T cung cấp cho Tòa án nhân dân huyện Cư Jút bản gốc.

Đối với nguyên đơn cho rằng: Vào ngày 08/10/2020 bà T có cho ông T bà N mượn số tiền 206.000.000đ (hai trăm linh sáu trệu đồng) hai bên có viết giấy tờ tay với nhau, không ghi lãi suất, thời hạn trả nợ ngày 08/10/2021, ông T bà N sẽ trả cho bà T. Đến thời hạn trả nợ bà T đòi nhiều lần nhưng ông T bà N không trả, qúa trình vay bà N, ông T chỉ trả cho bà T số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), còn lại 196.000.000đ (một trăm chín mươi sáu triệu đồng) bà T yêu cầu ông T bà N phải trả cho bà T số tiền gốc 196.000.000đ và lãi suất chậm trả 0,83% từ ngày vi phạm thời hạn trả nợ từ ngày 09/10/2021 đến ngày 31/3/2023 là 17 tháng, số tiền lãi là 27.655.600 đồng.

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án bàT yêu cầu ông T bà N trả số tiền 206.000.000đ và lãi suất 1,66%. Ngày 06/02/2023 nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) gốc và lãi suất 1,66% còn lại yêu cầu 0,83%.

Việc chứng cứ bà N ông T cung cấp chứng cứ cho Tòa án tỉnh Đắk Nông là chữ viết của bà T là đúng, tuy nhiên, giấy viết số tiền 80.000.000đ là khoản vay khác không liên quan gì khoản vay theo giấy vay tiền 206.000.000đ.

Đối với bị đơn bà Trần Thị N cho rằng số tiền 206.000.000đồng xác lập ngày 08/10/2020 (âm lịch) là chữ ký bà N là đúng, bà N đã ký và bà N ký thay cho ông T nên ông T không biết vì ông T không vay. Còn số tiền 80.000.000đ bà N ông T đã trả cho bà T xong, hiện nay ông T bà N không nợ bà T.

Đối với ông Trần Thanh T cho rằng vào năm 2018 ông T bà N có mượn của bà T số tiền 80.000.000 đồng mà chứng cứ ông T bà N đã nộp cho Tòa án tỉnh Đắk Nông hiện nay ông T bà N không còn nợ bà T, việc trong giấy ký số tiền 206.000.000đồng vào ngày 08/10/2020 (âm lịch) ông T không ký, không vay không biết. Việc bà N ký thay cho ông T ông T không biết, hiện nay bà N nhận ký thì ông T không yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký.

Xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp giấy mượn tiền xác lập ngày 08/10/2020 (âm lịch) số tiền vay 206.000.000đồng (hai trăm linh sáu triệu đồng) mà bà T đã cung cấp cho Tòa án bản gốc là có thật, quá trình vay bà N đã trả cho bà T số tiền 10.000.000đồng. Hiện bà N còn nợ bà T số tiền 196.000.000đồng tiền gốc là có căn cứ.

Xét bà Trần Thị N cho rằng số tiền 206.000.000đồng xác lập ngày 08/10/2020 (âm lịch) mà bà T khởi kiện ông T bà N là tiền lãi của số tiền 80.000.000đ vay vào năm 2018. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà N không chứng minh được số tiền 206.000.000đồng là khoản tiền lãi của số tiền 80.000.000đ. Do vậy, việc trình bày của bà Trần Thị N là không có căn cứ.

Xét nguyên đơn yêu cầu ông T bà N phải trả số tiền 196.000.000đ tiền gốc và lãi chậm trả, Hội đồng xét xử thấy rằng trong giấy mượn tiền xác lập ngày 08/10/2020 (âm lịch) chỉ một mình bà N ký và bà N ký thay cho ông T ông T không biết, bà T cũng không biết ông T có ký hay không, do vậy cần buộc một mình bà N phải có trách nhiệm trả cho bà T là phù hợp với quy định của pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu của bà T buộc ông T cùng bà N phải trả cho bà T.

Xét về nguyên đơn yêu cầu lãi suất giấy mượn tiền xác lập ngày 08/10/2020 (âm lịch) không có lãi suất, thời hạn trả nợ ngày 08/10/2021. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu lãi suất chậm trả 0,83% từ ngày 09/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 31/3/2023 là 17 tháng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, cần buộc bà Trầm Thị N phải trả cho bà Hoàng Thị T tổng số tiền là 223.655.600 đồng (hai trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm đồng). Trong đó: 196.000.000đ tiền gốc; lãi suất chậm trả từ ngày 09/10/2021đến ngày31/3/2023 làm tròn 17 tháng x 0,83% = 27.655.600 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với số tiền gốc 10.000.000 đồng mà nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, và đình chỉ xét xử đối với tiền lãi mà nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi từ 1,66% còn lại 0,83% số tiền là 14.401.376 đồng (mười bốn triệu,bốn trăm linh một ba trăm bảy sáu đồng).

Đối với khoản vay số tiền 80.000.000đồng xác lập năm 2018, ông T bà N đã cung cấp chứng cứ gốc trên Tòa án tỉnh Đắk Nông thì bà T thừa nhận toàn bộ chữ viết của bà T, bà T không yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3].Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá gạch đối với số tiền 223.655.600 đồng x 5% = 11.182.780 đồng.

Do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuy nhiên, bà N đã đủ 60 tuổi trở lên nên thuộc trường hợp miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 ,Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 BLDS năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trần Thị N phải trả cho bà Hoàng Thị T tổng số tiền gốc và lãi là 223.655.600 đồng (hai trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm đồng).Trong đó:Tiền gốc196.000.000 đồng,Tiền lãi chậm trả là 27.655.600 đồng.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án mà bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà N phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với số tiền gốc 10.000.000đ (mười triệu đồng) mà nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện; Đình chỉ xét xử đối với tiền lãi mà nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền là 14.401.376 đồng (mười bốn triệu,bốn trăm linh một ba trăm bảy sáu đồng)

Đối với khoản vay số tiền 80.000.000 đồng (T mươi triệu đồng) xác lập năm 2018 bà T không yêu cầu giải quyết và bà N ông T không yêu cầu phản tố nên hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Trần Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp miễn án phí đối với người từ đủ 60 tuổi trở lên theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả bà Hoàng Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.201.000 đồng (Sáu triệu, hai trăm linh một nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 003783 ngày 10 tháng 5 nám 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

3.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận **:**
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện Cư Jút;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan